

Số: *1893*/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *18* tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới phía Bắc
đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít, thành phố Điện Biên Phủ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông báo 318-TB/TU ngày 27/9/2021 của Tỉnh ủy Điện Biên về chủ trương đối với Phương án quy hoạch chi tiết và Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Giải phóng mặt bằng theo quy hoạch chi tiết Khu dân cư đô thị mới phía Bắc đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít, thành phố Điện Biên Phủ;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2027/SXD-KTQH và Báo cáo thẩm định số 2025/BC-SXD, ngày 08 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới phía Bắc đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít, thành phố Điện Biên Phủ với các nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch chi tiết

1.1. Phạm vi ranh giới: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch trên địa bàn phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, có phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: đất ruộng hiện trạng.

- Phía Đông giáp: đường Noong Bua đi Pú Từ.
- Phía Nam giáp: tuyến đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít.
- Phía Tây: Giáp khu dân cư tổ dân phố 13, 14 phường Mường Thanh.

1.2. Diện tích khu vực lập quy hoạch: 92.597,02 m².

1.3. Tính chất khu vực lập quy hoạch

Là khu đô thị văn minh - hiện đại, hài hòa với điều kiện tự nhiên, cảnh quan khu vực, đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tạo ra quỹ đất phục vụ nhu cầu phát triển đô thị của khu vực.

2. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

2.1. Quy mô dân số dự báo: 1.540 người.

2.2. Chỉ tiêu về đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chính

- Tỷ lệ diện tích đất ở bình quân đạt 20,79 m²/người, trong đó:

+ Nhà ở liền kề (nhà ở thương mại): mỗi lô có diện tích từ 126 m² đến 142 m² với mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao tối đa 6 tầng.

+ Nhà ở Biệt thự (nhà ở thương mại): mỗi lô có diện tích từ 206 m² đến 308 m² với mật độ xây dựng tối đa 70 %, tầng cao tối đa 4 tầng.

+ Nhà ở xã hội: mỗi lô có diện tích từ 67,5 m² ÷ 99 m² với mật độ xây dựng tối đa 100 %, tầng cao tối đa 4 tầng.

- Công trình Nhà văn hóa: diện tích 506,1 m², chiếm 0,55 %, mật độ xây dựng tối đa 40 %, tầng cao tối đa 03 tầng.

- Công viên, cây xanh: tỷ lệ đất cây xanh đạt 6,35 m²/người.

- Công trình thương mại dịch vụ: diện tích 1.028,39 m², mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao tối đa 7 tầng.

- *Giao thông*: tỷ lệ đất giao thông đạt 43,51 %; lòng đường rộng từ 7,0 -15,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng từ 3,0 - 5,0m.

- *Cấp nước*:

+ Chỉ tiêu nước sạch dùng cho sinh hoạt: 150 lít/người/ngày đêm; hướng tới mục tiêu sử dụng nước an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

+ Nước sạch dùng các công trình công cộng, dịch vụ: 2 lít/m²sàn/ngàyđêm.

+ Nước tưới vườn hoa, công viên: 3 lít/m²/ngàyđêm.

+ Nước rửa đường: 0,4 lít/m²/ngàyđêm.

+ Nước thất thoát, rò rỉ tối đa không vượt quá 15% tổng lượng nước trên.

+ Nước chữa cháy: 10 lít/s.

- *Thoát nước thải và vệ sinh môi trường*:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải triệt để, nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu về môi trường có thể tái sử dụng cho mục đích khác.

+ Rác thải: 1 kg/người-ngày; tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 100%.

- *Cấp điện:*

+ Cấp điện sinh hoạt: Giai đoạn đầu đạt 750 KWh/người.năm; giai đoạn dài hạn đạt 1 500 KWh/người.năm.

+ Cấp điện trung tâm thương mại, dịch vụ, văn hóa (có điều hòa): 30 W/m² sàn.

+ Chiếu sáng đường phố: 1 W/m².

+ Chiếu sáng công viên, vườn hoa: 0,5 W/m².

3. Cơ cấu sử dụng đất

- Đất ở: 32.018,47 m², chiếm 34,58%.

- Đất công cộng: 506,1 m², chiếm 0,55%.

- Đất thương mại dịch vụ: 1.028,39 m², chiếm 1,11%.

- Đất cây xanh, thể dục thể thao: 9.581,8 m², chiếm 10,35%.

- Đất thủy lợi, đất hạ tầng kỹ thuật khác: 6.611,9 m², chiếm 7,14%.

- Đất giao thông: 42.850,37 m², chiếm 46,28%.

4. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, thiết kế đô thị cho từng lô đất

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị

STT	KÍ HIỆU	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	MĐXD (%)	HỆ SỐ SĐĐ	TẦNG CAO TỐI ĐA	SỐ LÔ
I	ĐẤT CÔNG CỘNG		506,10	0,55				
	CO	NHÀ VĂN HÓA - TỔ DÂN PHỐ	506,10		40,00	0,80	2	
II	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ		1.028,39	1,11				
1	TMDV-01	THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	746,29		70,00	4,20	7	
2	TMDV-02	THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	282,10		80,00	4,80	7	
III	ĐẤT Ở LIỀN KÈ		18.342,50	19,81				134
1	OLK-01	NHÀ LIỀN KÈ	946,00		80,00	4,80	6	7
2	OLK-02	NHÀ LIỀN KÈ	946,00		80,00	4,80	6	7
3	OLK-03	NHÀ LIỀN KÈ	704,00		80,00	4,80	6	5
4	OLK-04	NHÀ LIỀN KÈ	1.136,00		80,00	4,80	6	8
5	OLK-05	NHÀ LIỀN KÈ	1.136,00		80,00	4,80	6	8

STT	KÍ HIỆU	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	MĐXD (%)	HỆ SỐ SDD	TẦNG CAO TỐI ĐA	SỐ LÔ
6	OLK-06	NHÀ LIÊN KÈ	1.136,00		80,00	4,80	6	8
7	OLK-07	NHÀ LIÊN KÈ	1.136,00		80,00	4,80	6	8
8	OLK-08	NHÀ LIÊN KÈ	504,00		80,00	4,80	6	4
9	OLK-09	NHÀ LIÊN KÈ	1.008,00		80,00	4,80	6	8
10	OLK-10	NHÀ LIÊN KÈ	630,00		80,00	4,80	6	5
11	OLK-11	NHÀ LIÊN KÈ	1.072,00		80,00	4,80	6	8
12	OLK-12	NHÀ LIÊN KÈ	882,00		80,00	4,80	6	7
13	OLK-13	NHÀ LIÊN KÈ	694,00		80,00	4,80	6	5
14	OLK-14	NHÀ LIÊN KÈ	820,00		80,00	4,80	6	6
15	OLK-15	NHÀ LIÊN KÈ	820,00		80,00	4,80	6	6
16	OLK-16	NHÀ LIÊN KÈ	833,50		80,00	4,80	6	6
17	OLK-17	NHÀ LIÊN KÈ	833,50		80,00	4,80	6	6
18	OLK-18	NHÀ LIÊN KÈ	833,50		80,00	4,80	6	6
19	OLK-19	NHÀ LIÊN KÈ	1.136,00		80,00	4,80	6	8
20	OLK-20	NHÀ LIÊN KÈ	1.136,00		80,00	4,80	6	8
IV	ĐẤT Ở BIỆT THỰ		7.207,04	7,78				30
1	OBT-01	NHÀ BIỆT THỰ LOẠI 1	3.079,04		60,00	2,40	4	10
2	OBT-02	NHÀ BIỆT THỰ LOẠI 2	1.032,00		70,00	2,80	4	5
3	OBT-03	NHÀ BIỆT THỰ LOẠI 2	1.032,00		70,00	2,80	4	5
4	OBT-04	NHÀ BIỆT THỰ LOẠI 2	2.064,00		70,00	2,80	4	10
V	ĐẤT NHÀ Ở XÃ HỘI		6.468,93	6,99				90
1	OXH-01	NHÀ Ở XÃ HỘI	779,01		100,00	4,00	4	11
2	OXH-02	NHÀ Ở XÃ HỘI	675,00		100,00	4,00	4	10
3	OXH-03	NHÀ Ở XÃ HỘI	833,50		100,00	4,00	4	10
4	OXH-04	NHÀ Ở XÃ HỘI	1.386,50		100,00	4,00	4	20
5	OXH-05	NHÀ Ở XÃ HỘI	1.386,50		100,00	4,00	4	20
6	OXH-06	NHÀ Ở XÃ HỘI	675,00		100,00	4,00	4	10
7	OXH-07	NHÀ Ở XÃ HỘI	337,50		100,00	4,00	4	5
8	OXH-08	NHÀ Ở XÃ HỘI	395,92		100,00	4,00	4	4
VI	ĐẤT CÂY XANH		9.581,80	10,35				
1	CX01	VƯỜN HOA CÂY XANH CẢNH QUAN	730,00					
2	CX02	VƯỜN HOA CÂY XANH CẢNH QUAN	619,69					
3	CX03	CÔNG VIÊN TRUNG TÂM	2.155,30					

STT	KÍ HIỆU	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	MĐXD (%)	HỆ SỐ SDD	TẦNG CAO TỐI ĐA	SỐ LÔ
4	CX04	CÔNG VIÊN TRUNG TÂM	3.831,54					
5	CX05	VƯỜN HOA CÂY XANH CẢNH QUAN	208,67					
6	CX06	VƯỜN HOA CÂY XANH CẢNH QUAN	132,60					
7	CX07	VƯỜN HOA CÂY XANH CẢNH QUAN	1.904,00					
VII	ĐẤT THỦY LỢI		1.688,23	1,82				
	TL	KÊNH TẢ VÀ HÀNH LANG AN TOÀN	1.688,23					
VIII	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT		4.923,67	5,32				
1	KE-01	KÈ RUỘNG	170,66					
2	KE-02	KÈ RUỘNG	41,16					
3	KE-03	KÈ RUỘNG	1.065,10					
4		KHE KỸ THUẬT GIỮA CÁC DÂY NHÀ	3.646,75					
IX	ĐẤT GIAO THÔNG		42.850,37	46,28				
1	P-01	BÃI ĐỖ XE	1.794,51					
2	P-02	BÃI ĐỖ XE	380,10					
3	P-03	BÃI ĐỖ XE	386,32					
4	GT	ĐƯỜNG GIAO THÔNG	40.289,44	43,51				
	TỔNG		92.597,02	100,00				254

- Chiều cao, tầng cao công trình: Được quy định trong quy hoạch chi tiết, ngoài ra còn phải đảm bảo theo quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành.

- Mật độ xây dựng: Được quy định trong quy hoạch chi tiết, ngoài ra đối với từng lô đất, từng tính chất công trình còn phải đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

4.2. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc

a) Tổ chức không gian tổng thể

Tổng thể khu vực lập quy hoạch là một khu ở đô thị hoàn chỉnh với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ có định hướng kết nối với các khu vực lân cận. Các khu chức năng được tổ chức hợp lý bám hai bên trục cảnh quan chính của khu vực là tuyến đường trục chính hướng Bắc Nam. Bố trí tại khu vực trung tâm là khu công viên cây xanh, hồ điều hòa, bao quanh là các khu nhà ở biệt thự, nhà ở liền kề theo hướng sinh thái với mật độ xây dựng trung bình.

b) Các khu vực chức năng chính:

- Khu công cộng: Tổ chức một nhà văn hóa - tổ dân phố tại vị trí phía Đông khu vực lập quy hoạch.

- Khu ở:

+ Khu ở biệt thự: Tổ chức hai dạng nhà ở biệt thự (với quy mô lô đất khoảng 206m² và 308 m²) tại vị trí giáp khu công viên trung tâm, trên trục cảnh quan chính của khu.

+ Khu ở liền kề: Bố trí các dãy nhà liền kề giáp trục đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít và trên các tuyến giao thông, là khu chức năng chủ đạo của toàn khu vực quy hoạch.

+ Khu nhà ở xã hội: Bố trí tại khu vực phía Đông Bắc và phía Tây Bắc với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Khu công viên cây xanh: Tổ chức khu công viên cây xanh trung tâm tại lõi của khu vực, bám hai bên trục đường chính; các vườn hoa cảnh quan được bố trí xen kẽ giữa các khu chức năng khác.

- Khu thương mại dịch vụ: Bố trí hai khu đất thương mại dịch vụ tại vị trí góc đường phía Tây Nam và vị trí trung tâm của khu vực.

- Hệ thống giao thông và bãi đỗ xe: Quy hoạch mạng lưới giao thông liên hoàn và đồng bộ, có định hướng kết nối với các khu vực phát triển mới và các khu vực lân cận. Bãi đỗ xe được bố trí về phía Đông và phía Tây của khu vực.

- Khu vực kênh thủy nông và hành lang an toàn: Kênh tả giữ nguyên hiện trạng và quy hoạch phần hành lang an toàn để quản lý và vận hành theo quy định.

4.3. Thiết kế đô thị

a) Xác định các chỉ tiêu khống chế về khoảng lùi

- Tầng cao xây dựng: Chiều cao, tầng cao xây dựng công trình từng lô đất được quy định theo bản vẽ quy hoạch sử dụng đất, thiết kế đô thị trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và định hướng phát triển không gian cảnh quan chung.

- Khoảng lùi: công trình xây dựng tuân thủ khoảng lùi tối thiểu được quy định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và đảm bảo tính thống nhất trên toàn tuyến phố. Khoảng lùi cụ thể đối với từng tuyến phố, nút giao thông,... được quy định chi tiết trong bản vẽ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ.

b) Cảnh quan đô thị khu vực trung tâm

Xây dựng 02 công viên cây xanh trung tâm nằm hai bên trục cảnh quan chính của khu vực kết nối với các vườn hoa cây xanh cảnh quan được bố trí xen kẽ trong các khu ở phục vụ dân cư tạo thành hệ thống cây xanh có mảng, tuyến, điểm tạo điểm nhấn sinh thái cho toàn khu. Ngoài ra, với mục tiêu là khu ở sinh thái,

quy hoạch bố trí dải cây xanh làm khoảng đệm giữa khu dân cư và đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít ở phía Nam

c) Cảnh quan đô thị dọc các trục đường chính

- Tôn trọng sự biến thiên đa dạng hình thái của đô thị, kiểm soát bằng tông màu sắc được phép sử dụng, quy định về ban công; lô gia; mái che cho người đi bộ; chiều cao tối đa công trình.

- Cây xanh cảnh quan dọc tuyến đồng nhất, quy định kích thước đường kính thân cây tối thiểu, đa dạng chủng loại cây đô thị phù hợp; trồng các loại cây bụi ở dải phân cách, dưới chân gốc cây và ở các vị trí vỉa hè công trình khối tích lớn.

d) Hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình: Định hướng các thiết kế kiến trúc vừa hiện đại vừa mang bản sắc của địa phương, thân thiện với môi trường. Sử dụng các mảng, khối, đường nét rõ ràng, mang tính hình học. Sử dụng tối đa không quá 3 màu.

đ) Hệ thống cây xanh đô thị: Lựa chọn các loại cây thường xanh, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương. Hạn chế sử dụng các loại cây có hoa, quả thu hút côn trùng và gây ô nhiễm đô thị.

5. Nguồn cung cấp và giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đến từng lô đất

5.1. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại: Đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít nằm tiếp giáp phía Nam của khu vực lập quy hoạch, tuyến đường này kết nối khu vực quy hoạch với đường Võ Nguyên Giáp và đường Noong Bua - Pú Từu. Mặt cắt 20,5m (với 10,5m mặt đường và 5m lề đường mỗi bên).

b) Giao thông nội bộ:

- Đường cấp khu vực: Mặt cắt 1-1; Quy mô 33 m; bề rộng lòng đường 7,5 m x 2 = 15 m; bề rộng dải phân cách 8 m; bề rộng hè đường 5 m x 2 = 10 m.

- Đường cấp nội bộ:

+ Mặt cắt 2-2: Quy mô 17,5m; bề rộng lòng đường 3,75m x 2 = 7,5m; bề rộng hè đường 5mx2 = 10m.

+ Mặt cắt 3-3: Quy mô 12m; bề rộng lòng đường 5,5m; bề rộng hè đường 1,5m + 5m = 6,5m.

+ Mặt cắt 4-4: Quy mô 14,5m; bề rộng lòng đường 3,75m x 2 = 7,5m; bề rộng hè đường 5m + 2m = 7m.

+ Mặt cắt 5-5: Quy mô 15,5m; bề rộng lòng đường 3,75m x 2 = 7,5m; bề rộng hè đường 3m + 5m = 8m.

+ Mặt cắt 6-6: Quy mô 13,5m; bề rộng lòng đường 3,75m x 2 = 7,5m; bề rộng hè đường 3m x 2 = 6m.

- Bố trí 03 bãi đỗ xe tập trung (P) có tổng diện tích 2.560,93 m² tại khu vực phía Tây và khu vực phía Đông.

5.2. San nền chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền:

- Cao độ nền xây dựng công trình tối thiểu + 481,90 m.
- Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế với chênh cao giữa hai đường đồng mức tối thiểu là 0,05 m.
- Độ dốc san nền tối thiểu là 0,4% đảm bảo điều kiện thoát nước tự chảy.
- San nền bằng đất hoặc các vật liệu khác có chỉ tiêu cơ lý đảm bảo để đắp, đầm nén đến độ chặt $K=0,90$.
- Không chế cao độ nền tại các điểm giao nhau của các tuyến đường, các điểm đặc biệt làm cơ sở cho công tác quản lý và lập dự án trong từng ô đất, trong bước lập dự án đầu tư.

b) Hệ thống thoát nước mưa:

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải.
- Hướng thoát nước chính: Từ Bắc xuống Nam, thoát theo mạng lưới đường cống xả ra mương phía Nam đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít.
- Hệ thống cống được bố trí chạy dưới lòng đường. Nước mưa từ các hộ dân và nước mưa chảy tràn trên mặt đường chảy về hệ thống hố thu nước bố trí 2 bên mép đường, rồi theo hệ thống cống ngang đổ về các hố ga thăm.
- Riêng khu vực trục đường đôi 33m, bố trí tuyến cống hộp thoát nước B3000x3000 đi ngầm dưới dải phân cách, thu nước rồi thoát ra mương phía Nam đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít, định hướng là tuyến thoát nước mưa cho lưu vực của Khu trung tâm thương mại, dịch vụ, văn hóa thuộc Khu đô thị mới phía Đông thành phố nhằm giảm tải cho tuyến Suối Hồng Lứu.

5.3. Hệ thống cấp điện

- Khu vực nghiên cứu được lấy nguồn từ trạm biến áp 110/35/22 kV Điện Biên công suất 2x25MVA, điểm đầu nối là tuyến điện 22kV/04 nằm trên đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít.
- Xây dựng hệ thống cáp điện trung thế mới chạy ngầm dưới vỉa hè cấp điện cho khu vực dự án.
- Dự kiến bố trí hai trạm biến áp 22/0,4kV xây mới, công suất mỗi trạm 630 KVA.
- Xây dựng hệ thống cáp điện hạ thế (0,4KV) nối từ trạm biến áp đến các tủ điện. Dây hạ thế sử dụng dây lõi đồng có lớp cách điện phù hợp với điều kiện đặt ngầm. Dây được đặt nằm dưới vỉa hè dọc theo các trục đường giao thông trong các ống bảo vệ hoặc đặt trong các hào cáp, được chôn sâu trong đất từ 0,7 - 1m so với mặt đường

- Hệ thống chiếu sáng được xây mới để chiếu sáng cho đường nội bộ và các lối đi trong toàn khu vực. Mạng điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt với hệ thống điện sinh hoạt và được điều khiển bật tắt tự động bằng các tủ điện riêng.

5.4. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước: Đầu nối vào tuyến ống D160 trên đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít.

- Mạng lưới đường ống được thiết kế là mạng vòng kết hợp với mạng nhánh (hay còn gọi là mạng cụt).

- Xây dựng hệ thống tuyến ống dịch vụ đầu nối vào hệ thống ống phân phối D110 trong khu đất lập quy hoạch để cấp nước đến từng ô đất. Thời gian cấp nước 24/24 giờ.

- Các hống cứu hỏa được đầu nối với đường ống cấp nước phân phối có đường kính D110 và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn. Khoảng cách giữa các hống cứu hỏa tối đa 150m.

5.5. Hệ thống thoát nước thải

- Mạng lưới thoát nước thải sử dụng hệ thống mạng lưới thoát nước riêng theo nguyên tắc tự chảy.

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó được thoát ra mạng lưới công thoát nước thải Upvc D300 chạy dọc bên ngoài công trình.

- Nước thải được tập hợp về trạm xử lý đặt trong khu cây xanh, sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ bơm ra hệ thống thoát nước mưa trong khu vực.

5.6. Vệ sinh môi trường

Rác thải trong khu đất lập quy hoạch được thu gom 100% và vận chuyển về điểm trung chuyển rác. Sau đó, rác thải được vận chuyển đến nhà máy xử lý rác Điện Biên tại Púng Mìn - huyện Điện Biên.

5.7. Hệ thống thông tin liên lạc

- Bố trí 1 tủ cáp đặt trong khuôn viên khu đất cây xanh CX3 cung cấp hệ thống thông tin liên lạc cho toàn bộ nhu cầu trong khu đất lập quy hoạch.

- Nguồn cấp: Điểm đầu nối thông tin liên lạc từ tuyến cáp thông tin nằm trên đường Hoàng Văn Thái - Khe Chít.

- Cáp thông tin liên lạc được chôn ngầm dưới vỉa hè và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE luồn cáp. Các đoạn qua đường luồn trong ống thép đen chịu lực.

6. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Kiểm soát và giám sát chặt chẽ các nội dung về môi trường của từng dự án thành phần trong quá trình xây dựng và vận hành khai thác; 100% rác thải trong phạm vi quy hoạch được thu gom và xử lý đảm bảo theo quy định.

- Tuyên truyền sâu rộng về hiệu quả của các hoạt động giảm thiểu ô nhiễm của môi trường và kết quả đạt được để khích lệ các hộ dân nâng cao ý thức bảo vệ, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

7. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

- Hạng mục ưu tiên đầu tư:

- + Thực hiện giải phóng mặt bằng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư .
- + Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, đầu tư hạ tầng kỹ thuật.
- + Thực hiện đầu tư khu thương mại, dịch vụ.
- + Thực hiện đầu tư các công trình nhà ở.
- + Triển khai đầu tư xây dựng công trình nhà văn hóa và cây xanh cảnh quan.

- Nguồn lực để thực hiện dự án: sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Điện Biên Phủ tổ chức cập nhật, tích hợp nội dung đề án này vào đề án quy hoạch cấp trên và quy hoạch cấp tương đương để công bố, quản lý và tổ chức triển khai theo quy định.

2. UBND thành phố Điện Biên Phủ chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành, đơn vị tổ chức có liên quan tổ chức công bố Quy hoạch; thực hiện các công việc, nhiệm vụ về cắm mốc giới và quản lý mốc giới, tổ chức quản lý đất đai, đầu tư, đầu tư xây dựng, môi trường ... theo đúng quy hoạch và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng CM thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô